TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **02**/2018/KDTM-ST
Ngày 06 tháng 3 năm 2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Diệu**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Khanh**
2. Ông **Huỳnh Khởi**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Hạnh**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách *tham gia phiên tòa:* Ông **Dương Thanh Hậu**, Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 3 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" thụ lý số 26/2017/TLST-KDTM, ngày 16 tháng 11 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2018/QĐXXST-KDTM, ngày 15 tháng 01 năm 2018, và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2018/QĐST-KDTM, ngày 07/02/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại cổ phần K**, địa chỉ trụ sở: Đường P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang, người đại diện theo pháp luật là ông Võ Văn C, chức vụ Tổng Giám đốc

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: **Bà Diệp Ngọc S,** chức vụ: Phó Phòng KHCN kiêm Phó Phòng KHDN Ngân hàng TMCP K-Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng; địa chỉ: Đường T, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng theo văn bản ủy quyền ngày 19/12/2017.

2. Bị đơn:

2.1. **Cao Thị Tuyết T**, địa chỉ: ấp S, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng

2.2. **Lê Văn T1**, địa chỉ: ấp S, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Trong đơn khởi kiện ngày 06/11/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện nguyên đơn là bà Diệp Ngọc S trình bày:

Trước đây, Ngân hàng Thương mại cổ phần K (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) có thỏa thuận với vợ chồng bà Cao Thị Tuyết T, ông Lê Văn T1 cho vay số tiền 30.000.000 đồng theo 02 Hợp đồng tín dụng: Hợp đồng số KH1079/HĐTD-CC số tiền 15.000.000đ và Hợp đồng số KH1080/HĐTD-CC số tiền 15.000.000đ vào cùng ngày 20/12/2016; cả hai hợp đồng này đều có thời hạn vay là 120 ngày (giải ngân ngày 20/12/2016, ngày đến hạn là 20/4/2017); lãi suất vay là 1,245%/tháng (tính lãi gộp); lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh; khách hàng vay phải trả góp vốn gốc và lãi cho Ngân hàng theo định kỳ hàng ngày.

Bà T và ông T1 có cầm cố tài sản là 01 xe mô tô YAMAHA NOUVO, biển kiểm soát 83C1-005.xx theo giấy Đăng ký mô tô, xe máy số 0069xx do Công an huyện K cấp cho ông Lê Văn T1 ngày 07/01/2011 để bảo đảm số tiền vay của hợp đồng KH1079/HĐTD-CC.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, vợ chồng bà T, ông T1 đã thanh toán được một phần nợ gốc và lãi của 02 hợp đồng được thực hiện song song. Sau khi trả được vốn gốc của mỗi hợp đồng là 2.499.800 đồng cùng với tiền lãi theo lãi suất trong hạn, thì vợ chồng bà T, ông T1 không tiếp tục thanh toán nợ hợp đồng nữa, nên còn nợ Ngân hàng tính chung 02 hợp đồng tín dụng vốn gốc là 25.000.400 đồng (mỗi hợp đồng là 12.500.200 đồng); tiền lãi tạm tính đến ngày làm đơn khởi kiện (ngày 06/11/2017) là 5.143.394 đồng. Tổng cộng 30.143.794 đồng.

Ngân hàng khởi kiện đề nghị Tòa án buộc vợ chồng bà Cao Thị Tuyết T, ông Lê Văn T1 phải trả số tiền còn nợ gồm vốn gốc và lãi tạm tính đến ngày 06/11/2017 với tổng số tiền là 30.143.794 đồng, đồng thời tiếp tục tính lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ; trường hợp bà T, ông T1 không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì có biện pháp xử lý tài sản bảo đảm đã cầm cố để thu hồi nợ.

Tại phiên tòa, Ngân hàng cung cấp bảng tính lãi bổ sung đến ngày xét xử sơ thẩm, cụ thể là: Số tiền của 02 hợp đồng vốn gốc là 25.500.400 đồng, tiền lãi trong hạn 1.245.000 đồng và tiền lãi quá hạn 5.765.924 đồng. Tổng cộng vốn gốc và lãi là 32.011.324 đồng.

Đối với các bị đơn Cao Thị Tuyết T và Lê Văn T1, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật, nhưng bà T, ông T1 không đến tham dự, cũng không có ý kiến trả lời hoặc cung cấp lời khai cho Tòa án.

Ý kiến của Viện Kiểm sát: Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều

thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc đòi bị đơn phải trả vốn, lãi và lãi phát sinh theo thỏa thuận hợp đồng; không chấp nhận phần yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ, vì tài sản cầm cố là xe mô tô được phía Ngân hàng đã thỏa thuận giao lại cho khách hàng là chủ sở hữu quản lý, sử dụng, nên không còn liên quan đến hợp đồng tín dụng, có nghĩa tài sản thế chấp không còn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

[1] Bà Cao Thị Tuyết T và ông Lê Văn T1 là các bị đơn trong vụ án mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông T1, theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng, xét thấy 02 hợp đồng tín dụng số KH1079/HĐTD-CC và KH1080/HĐTD-CC lập ngày 20/12/2016 giữa Ngân hàng với bà T, ông T1 đều được ký bởi người đại diện hợp pháp của bên cho vay là ngân hàng với bên vay là vợ chồng bà T, ông T1; các bên tham gia hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự, trên cơ sở tự nguyện, các thỏa thuận có nội dung và mục đích thực hiện với nhu cầu lợi nhuận của mỗi bên, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội; hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, hợp đồng tín dụng có hiệu lực buộc các bên phải thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bên cho vay là ngân hàng đã giải ngân, bà T và ông T1 đã nhận đủ số tiền vay theo đúng hợp đồng tín dụng, như vậy Ngân hàng đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo hợp đồng; việc vợ chồng bà T, ông T1 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ do các bên thỏa thuận; do vậy việc khởi kiện của ngân hàng yêu cầu buộc vợ chồng bà T, ông T1 thanh toán nợ của 02 hợp đồng với tổng số tiền 32.011.324 đồng (gồm nợ gốc 25.000.400 đồng, nợ lãi trong hạn 1.245.000 đồng, nợ lãi quá hạn 5.765.924 đồng tính đến ngày xét xử) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng từ ngày 07/3/2018 cho đến khi bà T, ông T1 trả hết nợ, là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của ngân hàng trong trường hợp vợ chồng bà T, ông T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, xét thấy tại hợp đồng số KH1079/HĐTD-CC (Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố) có nội dung cầm cố tài sản để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ vay là 01 xe mô tô YAMAHA NOUVO, biển kiểm soát 83C1-005.xx theo giấy Đăng ký mô tô, xe máy số 0069xx do Công an huyện K cấp cho ông Lê Văn T ngày 07/01/2011. Theo quy định của Bộ luật Dân sự, thì *"Cầm cố tài sản là việc một bên (sau đây gọi là bên cầm cố) giao tài sản thuộc quyền sở hữu của mình cho bên kia (sau đây gọi là bên nhận cầm cố) để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ"* (Điều 326 Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 309 Bộ luật Dân sự năm 2015 đều có chung quy định này). Trên thực tế, hiện nay ngân hàng chỉ còn đang giữ bản chính giấy đăng ký mô tô, xe máy nêu trên, nhưng tài sản là chiếc xe thì được Ngân hàng thỏa thuận gửi lại

cho khách hàng vay giữ tài sản (theo Biên bản thỏa thuận gửi giữ tài sản ngày 21/12/2016, được nguyên đơn cung cấp tại phiên tòa), cho thấy việc thỏa thuận này không phụ thuộc vào hợp đồng tín dụng; bên cạnh đó, trong quá trình giải quyết vụ án do bà T, ông T1 không hợp tác nên Tòa án không thẩm định được tài sản bảo đảm đã cầm cố, không xác định được tài sản này hiện nay có còn hay không, ai đang trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản và giá trị sử dụng còn lại của tài sản là bao nhiêu,...; mặt khác việc xử lý tài sản bảo đảm nếu bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng sẽ được xem xét ở giai đoạn thi hành án; nếu tài sản bảo đảm không còn thì vẫn có thể xử lý bằng tài sản khác. Chính vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản cầm cố làm bảo đảm trả nợ vay, vì sẽ gặp khó khăn ở giai đoạn thi hành án sau này.

[4] Về áp dụng pháp luật, Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố được các bên ký kết và thực hiện tại thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2005 có hiệu lực pháp luật; hợp đồng này đang được thực hiện có nội dung và hình thức phù hợp với Bộ luật Dân sự năm 2015; do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 để giải quyết vụ án.

[5] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Về quyền kháng cáo của đương sự được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; các Điều 228; 266; 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 280; 309; 311; 357; 463; khoản 1 và khoản 5 Điều 466; Điều 468; điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 91; 95 của Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc vợ chồng bà Cao Thị Tuyết T, ông Lê Văn T1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K số tiền **32.011.324 đồng** (bao gồm nợ gốc 25.000.400 đồng, nợ lãi trong hạn 1.245.000 đồng, nợ lãi quá hạn 5.765.924 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xử lý tài sản cầm cố để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ là xe mô tô YAMAHA NOUVO, biển kiểm soát 83C1-005.xx theo giấy Đăng ký mô tô, xe máy số 0069xx do Công an huyện K cấp cho ông Lê Văn T ngày 07/01/2011.

3. Về án phí: Bà Cao Thị Tuyết T và ông Lê Văn T1 phải liên đới chịu 3.000.000 đồng; Ngân hàng TMCP K không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.000.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009404 ngày 15/11/2017 (2.000.000 đồng) và Biên lai số 0009430 ngày 27/11/2017 (1.000.000 đồng) của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách;
- Chi cục THA dân sự huyện K;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng (để BC);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Diệu